



Danapha
PHARMACEUTICAL JSC

Mục Lục

- 4 Sự kiện nổi bật
- 8 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 9 Con số ấn tượng
- 10 Giới thiệu ban Lãnh đạo
- 12 Sơ đồ tổ chức
- 14 Báo cáo hoạt động SXKD năm 2013
Mục tiêu, định hướng, giải pháp 2014
- 24 Báo cáo Tài chính
Thông tin về công ty
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
Báo cáo của Kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo chuyển lưu tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính



“Tập trung mọi tiềm lực và trí tuệ nhằm thực hiện các cam kết về chất lượng dòng sản phẩm Đông dược, góp phần vào chính sách quốc gia về bảo tồn và phát triển cây thuốc quý và đem lại các giá trị điều trị đích thực cho người bệnh”

SỰ KIẾN NỔI BẬT

Danapha lần thứ hai liên tiếp lọt vào Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2013 – FAST500



Với ý nghĩa ghi nhận và tôn vinh những nỗ lực và thành tích chính đáng của doanh nghiệp Việt Nam, năm 2014 là năm thứ tư liên tiếp Bảng xếp hạng

FAST500 – TOP 500 Doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam được công bố. Với các hoạt động đầy ý nghĩa, câu lạc bộ FAST500 đang dần trở thành những thương hiệu có giá trị được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận một cách khách quan. Và các doanh nghiệp Việt Nam có quyền tự hào chính đáng về những nỗ lực về thành tích sản xuất kinh doanh đã đạt được của doanh nghiệp mình.

Danh sách 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam tiếp tục được công bố ghi nhận sự khách quan, minh bạch trong thứ hạng và thành tích kinh doanh mà các doanh nghiệp đã đạt được. Được ví như những “ngôi sao đang lên” của cả nền kinh tế, các doanh nghiệp có tên trong bảng xếp hạng FAST500 có quyền tự hào chính đáng về thành tựu mà doanh nghiệp đã đạt được trong thời gian qua.

Với những nỗ lực không ngừng nghỉ của lãnh đạo công ty, của tập thể người lao động, Danapha lần thứ hai liên tiếp là TOP 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhất Việt Nam, tạo nhiều động lực và khí thế trong bước đường chinh phục các mục tiêu lớn trong tương lai.

Danapha nhận Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn GMP-Ukraine

Trong bối cảnh đất nước hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế, Danapha cũng thể hiện quyết tâm khẳng định mình để hướng thương hiệu ra quốc tế. Để đạt được mục tiêu đó thì việc nâng cấp nhà máy, tổ chức lại bộ máy hoạt động, chuẩn hóa quy trình sản xuất,... phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế là một trong các định hướng hoạt động của Danapha.

Nằm trong kế hoạch gia tăng doanh số và mở rộng thị trường xuất khẩu tại Ukraine, thị trường lớn thứ hai sau Nga, Danapha đã tiến hành các công tác chuẩn bị để đón đoàn thẩm định của Ukraine sang thẩm định và công nhận tiêu chuẩn GMP-Ukraine cho nhà máy theo quy định của Bộ Y tế nước này.

Tháng 9 năm 2013, giấy chứng nhận đạt chuẩn GMP-Ukraine cho nhà máy sản xuất thuốc của Danapha đã được cấp, tạo tiền đề Danapha tiếp tục

chinh phục các tiêu chuẩn cao hơn trong tương lai. Đặc biệt, Giấy chứng nhận GMP-Ukraine cũng bao gồm cả tiêu chuẩn PIC/S, viết tắt từ Pharmaceutical Inspection Co-operation Scheme (Hệ thống hợp tác thanh tra dược phẩm).



SAO VÀNG ĐẤT VIỆT 2013



Danapha vinh dự nhận giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2013

Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt được xem là một trong các giải thưởng uy tín của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam. Theo đó, tất cả các doanh nghiệp đăng ký hoạt động kinh doanh theo pháp luật VN, trừ doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, tự nguyện tuân thủ quy chế giải thưởng và các quy định của cơ quan thường trực tổ chức giải thưởng, đều được quyền tham gia giải thưởng. Tuy nhiên quá trình xét chọn để tôn vinh các doanh nghiệp buộc phải tuân thủ các quy trình nghiêm ngặt, trải qua nhiều vòng thẩm định, đánh giá chéo và các văn bản xác nhận của các cơ quan ban ngành để đi đến kết quả chung cuộc.

Đây là lần thứ 10 Giải thưởng Sao Vàng đất Việt được Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tiến hành xét

duyet và trao giải cho các doanh nghiệp tiêu biểu trong cả nước với số lượng lớn nhất từ trước đến nay và cũng là lần thứ 10 Danapha tham gia và đạt giải. Điều đó khẳng định sự đúng đắn trong định hướng hoạt động của doanh nghiệp nếu chúng ta biết rằng, có một điều rất lạ của giải thưởng năm nay, đó là: Trong khi năm 2012 được xem là một năm đầy khó khăn và thách thức nhưng doanh thu top 10, 100 và 200 của doanh nghiệp đoạt giải thưởng Sao Vàng Đất Việt đều tăng mạnh. Bên cạnh doanh thu thì cả lợi nhuận và tiền nộp ngân sách đều tăng, chứng tỏ trong quá trình khủng hoảng, nhiều doanh nghiệp vẫn phát triển tốt, và Danapha cũng là một trong số đó.



Danapha được vinh danh là “Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm an sinh xã hội và phát triển cộng đồng” năm 2014

Chương trình “Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm an sinh xã hội và phát triển cộng đồng” do Tạp chí Kinh tế và Dự báo thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư phát động nhằm tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp về việc thực hiện các trách nhiệm an sinh xã hội của doanh nghiệp như: Trách nhiệm thực hiện đúng các quy định pháp luật, thực hiện trách nhiệm đối với người lao động, môi trường, cộng đồng và các đối tượng bảo trợ xã hội.

Các tiêu chí chính là doanh nghiệp phải có thương hiệu uy tín, định hướng phát triển bền vững, có chính sách và kế hoạch triển khai các chương trình an sinh xã hội và phát triển cộng đồng cụ thể và lâu dài, thực hiện tốt trách nhiệm đóng thuế, thủ tục hải quan, môi trường, bảo hiểm xã hội đối với người lao động, có chứng chỉ quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.

Danapha bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh

doanh với việc duy trì việc làm thường xuyên, chăm lo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững thì vai trò trách nhiệm xã hội cũng luôn được quan tâm và được xem là một phần không thể thiếu trong hoạt động tổng thể của doanh nghiệp. Với những cố gắng nỗ lực đó, Danapha là một trong các doanh nghiệp được vinh danh là “Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm an sinh xã hội và phát triển cộng đồng” năm 2014. Qua đó tiếp tục khẳng định các cam kết trách nhiệm của mình đối với cộng đồng xã hội.

Quảng bá và tuyên truyền các điển hình doanh nghiệp tiên tiến trong việc tổ chức các chương trình an sinh xã hội hiệu quả và sáng tạo có lợi ích thiết thực đối với cộng đồng; Tăng cường sự nhận biết của các nhà phân phối và người tiêu dùng trong và ngoài nước đối với các sản phẩm mang thương hiệu thực hiện tốt an sinh xã hội.

Danapha tiếp tục đạt nhãn hiệu chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao 2014 do người tiêu dùng bình chọn

So với cuộc bình chọn của những năm trước, cuộc bình chọn Hàng Việt Nam chất lượng cao năm nay có nhiều nét mới. Ngoài cuộc điều tra ghi nhận ý kiến bình chọn trực tiếp từ 16.000 hộ gia đình và cá nhân tiêu dùng thuộc địa bàn 12 tỉnh, thành phố trên cả nước, Hội HVNCLC còn tổ chức điều tra kiểm tra với 3.000 phiếu phỏng vấn trực tiếp người bán lẻ tại các kênh phân phối như chợ, siêu thị, cửa hàng... Mặt khác, để khuyến khích và cổ vũ các DN trong hoạt động đổi mới sáng tạo, năm nay cuộc bình chọn cũng chọn ra những doanh nghiệp có thành tích nổi bật trong hoạt động đổi mới sáng tạo.

Một lần nữa, người tiêu dùng trên toàn quốc đã tin nhiệm bình chọn thương hiệu Danapha là doanh nghiệp đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng

cao năm 2014. Đây tiếp tục là danh hiệu đáng khích lệ của Danapha trên con đường phát triển của mình.

Trong chiến lược phát triển, Danapha luôn ý thức được trách nhiệm to lớn của mình đối với người tiêu dùng và lấy thước đo sự hài lòng của người tiêu dùng như là kim chỉ nam cho hoạt động vì sức khỏe người bệnh của mình. Danh hiệu này tiếp tục là động lực để Danapha chinh phục các đỉnh cao mới trong tương lai.



Danapha được công nhận là Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2012-2013

Lựa chọn và công bố “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” là một hoạt động của Bộ Công Thương được thực hiện từ năm 2004 đến nay. Qua 9 năm triển khai, hoạt động này đã đóng góp tích cực cho công

tác tuyên truyền quảng bá đối với các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam, được giới doanh nghiệp đánh giá cao, góp phần mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp.

Sau một thời gian đăng tải Danh sách sơ tuyển, tiếp thu các ý kiến phản hồi, ngày 15/04/2013, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2390/QĐ-BCT về Danh sách chính thức “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2012-2013. Theo đó Công ty Cổ phần Dược Danapha vinh dự được công nhận là Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2012-2013 và là một trong mười doanh nghiệp thuộc khối Dược và Thiết bị y tế trên toàn quốc được vinh danh.

Đây đã là lần thứ bảy liên tiếp Danapha được công nhận danh hiệu này, điều đó thể hiện sự quyết tâm của lãnh đạo doanh nghiệp trong định hướng xuất khẩu với việc không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến mẫu mã để khẳng định vị trí của doanh nghiệp trong thời kỳ hội nhập và sẵn sàng cho các sân chơi lớn hơn.

Thông điệp Chủ tịch HĐQT

Quý vị cổ đông kính mến!

Bức tranh màu tối của tình hình kinh tế xã hội tuy không còn âm ảm như những năm trước nhưng không có nghĩa các khó khăn đã chấm dứt. Áp lực của thị trường, của sự cạnh tranh và các đòi hỏi chính đáng của người tiêu dùng luôn đặt ra các thách thức, áp lực và đòi hỏi sự cố gắng không ngừng nghỉ của tập thể lãnh đạo và người lao động Danapha.

Năm 2013, doanh thu của Danapha là 316,4 tỷ đồng, đạt 96% kế hoạch. Tuy con số doanh thu không được như mong muốn nhưng cũng đã là sự cố gắng rất lớn của cả tập thể. Thay mặt Hội đồng quản trị công ty, tôi xin ghi nhận và trân trọng sự cố gắng này. Tuy nhiên hơn hết, thành công mà chúng ta đạt được thể hiện ở các chính sách để ra của Danapha đã từng bước được hiện thực hóa và thực thi một cách triệt để, mang lại lợi nhuận tương đối khả quan cho năm 2013 với 40,5 tỷ đồng, đạt 107% so với kế hoạch và mang lại lợi ích nhất định cho cổ đông và nhà đầu tư. An sinh xã hội, duy trì việc làm và chăm lo đời sống cho người lao động tiếp tục được cam kết thực hiện. Thu nhập bình quân đạt 10,9 triệu đồng/ 1 người/ 1 tháng.

Song bên cạnh đó, các tồn tại, yếu kém vẫn còn đang hiện hữu: Tốc độ tăng trưởng doanh thu vẫn đạt rất thấp, không như kỳ vọng để thực hiện các chiến lược dài hơi của doanh nghiệp; Việc cơ cấu lại danh mục sản phẩm chưa đạt như yêu cầu; Việc phát triển kênh bán hàng OTC còn rất chậm; Sự khác biệt trong nhận thức của khách hàng đối với các sản phẩm chủ lực của Danapha còn rất hạn chế,... đã tạo không ít trở ngại cho lãnh đạo công ty. Tuy nhiên, bằng tất cả sự nỗ lực và cam kết của Hội đồng quản trị cộng với sự đồng tâm hiệp lực của tập thể người lao động, chúng ta hy vọng những khó khăn này sẽ nhanh chóng được giải quyết.

Mục tiêu năm 2014 là thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch SXKD và gia tăng sự tăng trưởng khi có điều kiện. Bên cạnh việc tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển đến 2015 - tầm nhìn đến 2020, lãnh đạo công ty đã định hướng các nhóm giải pháp cụ thể cho năm 2014, đặc biệt tập trung vào các nhóm

vấn đề cấp thiết để đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, gia tăng doanh số và khắc phục những tồn tại, yếu kém.

Tuy vẫn còn nhiều khó khăn trước mắt nhưng với sự đồng lòng, thấu hiểu, sẻ chia, của cả tập thể Danapha, tôi tin tưởng rằng nhất định chúng ta sẽ vượt qua những khó khăn trước mắt và thực hiện thắng lợi các kế hoạch đề ra, hướng đến sự tăng trưởng bền vững.

Bên cạnh các giải pháp về SXKD, Danapha cũng cam kết đảm bảo mọi quyền lợi chính đáng của người lao động, chăm lo đời sống tinh thần của CBCNV, thực hiện đầy đủ trách nhiệm với cộng đồng, xã hội với các cam kết về bảo vệ môi trường, tham gia các chương trình từ thiện, vì cộng đồng, thực hiện các cam kết đối với khách hàng, với cổ đông và nhà đầu tư.

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dược Danapha trân trọng gửi lời cảm ơn đến tập thể người lao động Danapha, những người đã cùng chung vai sát cánh với Công ty trong những thời điểm khó khăn nhất; đồng thời gửi đến Quý vị cổ đông lời cảm ơn chân thành về những tin tưởng và sự ủng hộ với Danapha trong thời gian qua, sự ủng hộ của quý vị luôn là sự khích lệ lớn lao và góp phần không nhỏ vào các thành công của Danapha. Tôi cũng tin tưởng rằng với các định hướng và chiến lược phát triển doanh nghiệp đúng đắn, Danapha sẽ tiếp tục tăng trưởng và chinh phục các đỉnh cao mới trong tương lai.

Kính chúc Quý vị cổ đông sức khỏe và gặt hái nhiều thành công.

Trân trọng.

Ths. Ds. Nguyễn Quang Trị

Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc

“Tuy vẫn còn nhiều khó khăn trước mắt nhưng với sự đồng lòng, thấu hiểu, sẻ chia, của cả tập thể Danapha, tôi tin tưởng rằng nhất định chúng ta sẽ vượt qua những khó khăn trước mắt và thực hiện thắng lợi các kế hoạch đề ra, hướng đến sự tăng trưởng bền vững...”



Ths. Ds. Nguyễn Quang Trị

Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc

CON SỐ ẤN TƯỢNG

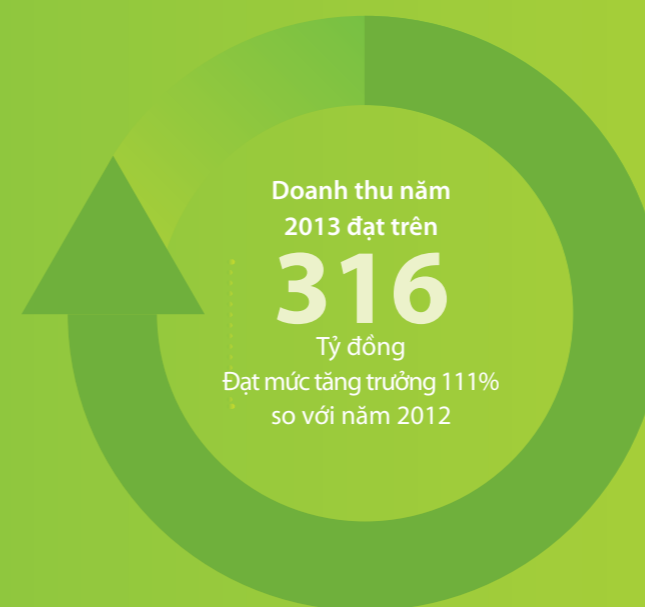
Lợi nhuận năm 2013 đạt trên

40 Tỷ đồng

Đạt mức tăng trưởng 134% so với năm 2012

Thu nhập bình quân đạt

10,9 triệu đồng
1 người/ 1 tháng



“Quyết tâm thực hiện mạnh mẽ các nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong thời gian đến, khẳng định vị thế của Danapha trên thị trường dược phẩm của Việt Nam và khu vực”

Thành viên hội đồng quản trị



Ths. Ds. Nguyễn Quang Trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Ds. Mai Đăng Đầu
Ủy viên Hội đồng Quản trị



Ks. Nguyễn Thị Vạn Thọ
Ủy viên Hội đồng Quản trị



Cn. Phạm Khắc Hà
Ủy viên Hội đồng Quản trị



Ds. Phạm Thị Thu Hà
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Cổ phần hóa từ tháng 10/2006 và chính thức hoạt động từ ngày 01/01/2007 với tên gọi Công ty Cổ phần Dược Danapha. Trải qua gần 50 năm trưởng thành và phát triển, Danapha ngày càng khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm, thương hiệu ngày càng được khẳng định tại Việt Nam và thế giới. Danapha hiện có 2 nhà máy với 4 dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc của Tổ chức Y tế thế giới” (GMP-WHO); bao gồm hệ thống kiểm nghiệm đạt chuẩn GLP và hệ thống kho đạt GSP, trong đó Nhà máy số 2 chuyên sản xuất các sản phẩm thuốc có nguồn gốc từ dược liệu được đầu tư bài bản với dây chuyền hoàn toàn khép kín và là nhà máy sản xuất thuốc đông dược

đầu tiên của Việt Nam đạt GMP-WHO. Danapha cũng tìm kiếm một hướng đi riêng cho mình trong việc đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu chuyên sâu với việc cho ra đời Trung tâm Nghiên cứu phát triển được đầu tư quy mô, hiện đại, hứa hẹn đem lại những thành công mới trong tương lai.

Sản phẩm của Danapha được phân phối trên khắp 64 tỉnh thành trong cả nước thông qua 4 chi nhánh tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hóa và Trung tâm tại Đà Nẵng cùng với các đại lý, nhà phân phối tại các địa phương. Sản phẩm công ty cũng đã xuất khẩu sang các nước Nga và các nước khối CIS, các quốc gia Đông Âu và Đông Nam Á. Doanh thu bình quân hàng năm tăng trưởng từ 15 – 20%.

SỨ MỆNH

Nỗ lực cống hiến vì sức khỏe cộng đồng với những giá trị nhân văn cao đẹp

TRIẾT LÝ KINH DOANH

- Sản xuất những sản phẩm mang giá trị chất lượng, đạt hiệu quả tối ưu.
- Không ngừng đổi mới vì sự chuyên nghiệp và phát triển bền vững.
- Nhân lực là yếu tố quyết định mọi thành công của Danapha.
- Chú trọng hiệu quả chiều sâu của công việc.

TẦM NHÌN

Là một trong Top 10 nhà sản xuất dược phẩm uy tín tại Việt Nam

HỆ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Sự tôn trọng
- Chất lượng
- Chú trọng khách hàng
- Tinh thần tập thể
- Sự chuyên nghiệp

Thành viên Ban kiểm soát



PGS - TS. Nguyễn Thị Liên Hoa
Trưởng Ban Kiểm Soát

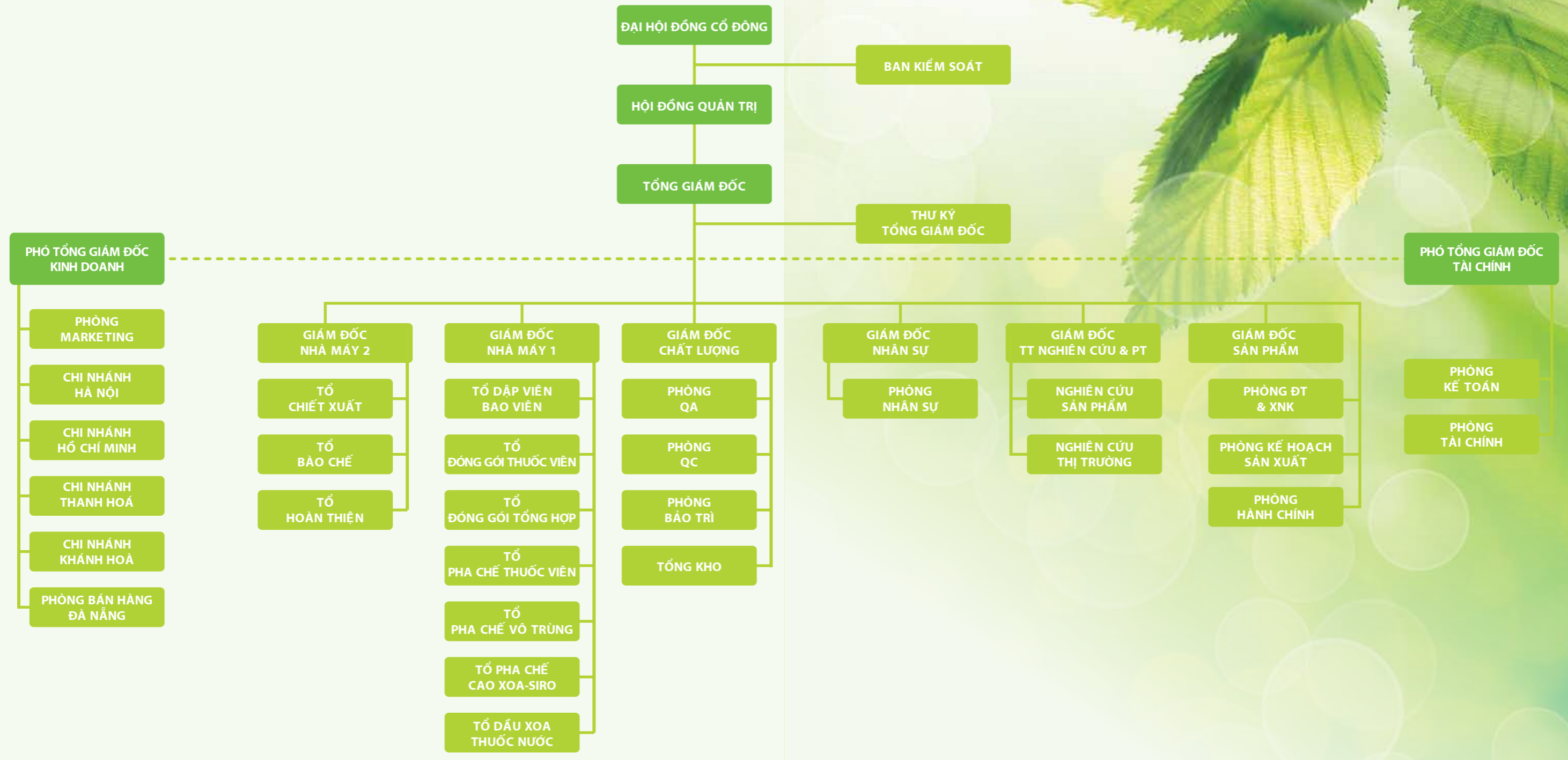


Ths. Nguyễn Thị Trà Vy
Thành Viên Ban Kiểm Soát



Cn. Phạm Hương Giang
Thành Viên Ban Kiểm Soát

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA





BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013

MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP 2014



I. Khái quát tình hình năm 2013

1. Cơ cấu sở hữu của Danapha hiện hữu:

Vốn điều lệ: 62 tỷ đồng được chia thành 6.200.000 cổ phần. Trong đó:

- Cổ đông Tổng Cty Dược VN sở hữu 2.916.125 cổ phần chiếm tỷ lệ 47,03%
- Cổ đông ngoài sở hữu 2.805.685 cổ phần chiếm tỷ lệ 45,25%
- Cổ đông của Danapha sở hữu 478.190 cổ phần chiếm tỷ lệ 7,72%

2. Thuận lợi:

- Trong năm 2013, tình hình kinh tế vĩ mô tuy có cải thiện nhưng vẫn còn đó nhiều khó khăn và thách thức. Tuy vậy, lãnh đạo công ty cùng tập thể người lao động Danapha chung tay đồng sức đồng lòng để phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch.
- Tình hình thị trường dược phẩm năm 2013 không có nhiều biến động. Giá các mặt hàng thuốc trên thị trường nhìn chung ổn định.
- Chỉ tiêu cho dược phẩm bình quân trên đầu người ở Việt Nam năm 2010 đạt 104 USD và được dự đoán có thể tăng hơn gấp đôi vào năm 2015. Tăng trưởng này được thúc đẩy bởi sự phát triển của xã hội và sự mở rộng của hệ thống bảo hiểm y tế quốc gia. Đến nay, 65% người dân Việt Nam có bảo hiểm y tế và dự kiến đến năm 2020, con số này có thể đạt 90%.
- Tại Danapha, nguồn nhân lực tiếp tục được đánh giá để tái cấu trúc. Công tác đào tạo được đẩy mạnh để nâng cao năng lực hoạt động của Danapha. Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung để tạo nguồn cho hoạt động của doanh nghiệp.
- Đẩy mạnh hoạt động văn hóa doanh nghiệp, tăng cường sự gắn kết, sẻ chia, thấu hiểu của tập thể người lao động.

- Hoạt động nghiên cứu phát triển, kiểm tra chất lượng được quan tâm trong việc đầu tư bổ sung máy móc thiết bị phục vụ cho công tác chuyên môn.

- Hoạt động đầu tư chú trọng hoàn thiện cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị, đặc biệt hoàn thiện nhà máy 2 thành một nhà máy sản xuất thuốc đông dược hoàn chỉnh và độc lập hoàn toàn.

- Đời sống của CBCNV công ty luôn được quan tâm trong việc cố gắng duy trì việc làm thường xuyên. Thu nhập bình quân năm 2013 trung bình đạt 10,9 triệu đồng/ 1 người/ 1 tháng.

3. Khó khăn:

- Tình hình chung vẫn còn nhiều khó khăn, sự cạnh tranh khốc liệt nhất là thị trường OTC, các bất cập trong đấu thầu thuốc tại các bệnh viện.

- Doanh số các công ty dược phẩm nội địa chiếm khoảng một nửa nhu cầu về thuốc của Việt Nam trong năm 2013. Tuy nhiên, gần như tất cả những sản phẩm này là các thuốc generic giá rẻ. Hơn 70% giá trị của thị trường là từ nhập khẩu. Tất cả sản phẩm dược công nghệ cao tại Việt Nam đều từ nhập khẩu.

- Tình hình sử dụng thuốc nội trong hệ thống bệnh viện các tuyến còn chênh lệch rất lớn.

- Khả năng thu hồi nợ tại các bệnh viện vẫn còn rất chậm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công tác đăng ký thuốc vẫn còn nhiều khó khăn, mất nhiều thời gian.

- Các quy định về quản lý nhà nước đối với nguyên liệu hướng tâm thần làm cho việc cung ứng các nguyên liệu này còn nhiều khó khăn.

- Khả năng đáp ứng nguồn nhân lực có chất lượng cao của ngành dược vẫn còn hạn chế, nhất là khu vực miền Trung.



II. Kết quả hoạt động của các bộ phận

1. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2013:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH năm 2013	TH năm 2013	TH/KH (%)	TH 2013/ 2012 (%)
Giá trị SXCN	170.000	169.438	99,67	129,74
Doanh thu	330.000	316.407	95,88	111,43
Lợi nhuận trước thuế	38.000	40.481	106,53	134,47

Trong đó:

- Doanh thu từ các chi nhánh: 218,89 tỷ đồng (đạt 85,6% kế hoạch). Cụ thể:
 - CN. TP HCM: 66,03 tỷ đồng (đạt 104,8% kế hoạch)
 - CN. Hà Nội: 57,09 tỷ đồng (đạt 95,2% kế hoạch)
 - CN. Thanh Hóa: 32,35 tỷ đồng (đạt 71,9% kế hoạch)
 - CN. Khánh Hòa: 24,48 tỷ đồng (đạt 81,6% kế hoạch)
 - Phòng Bán hàng: 38,94 tỷ đồng (đạt 74,9% kế hoạch)
- Doanh thu từ khối bao tiêu: 39,46 tỷ đồng (đạt 98,7% kế hoạch).
- Doanh thu từ xuất khẩu: 54,48 tỷ đồng (đạt 136,2% kế hoạch).
- Doanh thu khác: 3,58 tỷ đồng

* Đánh giá chung:

- Doanh thu năm 2013 gần đạt so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra, lợi nhuận tương đối khả quan, tuy nhiên tỷ lệ tăng trưởng doanh thu không đạt như kỳ vọng, thấp nhiều so với các doanh nghiệp cùng phân khúc. Đây là điều đáng báo động trong việc thực hiện các mục tiêu dài hơi của doanh nghiệp.
- Trong hoạt động kinh doanh, ghi nhận sự nỗ lực của 02 chi nhánh TP. HCM và Hà Nội trong việc đạt vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch. Chi nhánh Khánh Hòa tuy không đạt mức kế hoạch nhưng có tăng trưởng so với cùng kỳ. Riêng Phòng bán hàng và chi nhánh Thanh Hóa đạt tỷ lệ rất thấp, để nghị cần

nghiêm túc xem xét nguyên nhân và có các giải pháp cho hoạt động của năm 2014. Đây là vấn đề đặc biệt cần lưu ý.

- Việc thực hành tiết kiệm ở các khâu cộng với việc lãi suất ổn định đã góp phần giảm giá vốn hàng bán, làm tăng tính cạnh tranh và lợi nhuận cho công ty.

Tuy nhiên bên cạnh đó, một số hạn chế vẫn cần được khắc phục:

- Trong năm 2013, mức tăng trưởng chủ yếu vẫn tăng về giá chứ không tăng về lượng. Việc cơ cấu lại các dòng sản phẩm vẫn chưa được triển khai một cách tích cực và hiệu quả.
- Doanh thu của các nhóm hàng chủ lực chưa đạt được như mong muốn. Các chiến lược marketing còn rất yếu kém, chưa mang lại hiệu quả như mong đợi để gia tăng doanh số, chưa tạo được sự khác biệt trong nhận thức của khách hàng đối với các nhóm hàng đặc trưng và hiệu quả điều trị cao của Danapha như nhóm hàng đông dược.
- Việc thu hồi nợ trên kênh ETC vẫn còn nhiều khó khăn.
- Công tác phát triển kênh bán hàng OTC còn rất chậm, mặt hàng cho kênh này còn nghèo nàn. Tiếp tục nghiên cứu các giải pháp, chính sách để tập trung phát triển cho kênh này.
- Cần nghiên cứu mở rộng thị trường xuất khẩu, tìm sự tăng trưởng bền vững trong tương lai.

2. Hoạt động sản xuất:

- Kết quả thực hiện kế hoạch của Chuyên 1: Trong năm 2013, khối lượng nhập kho đạt 360,4 triệu viên, đạt 84% kế hoạch được giao.
- Kết quả thực hiện kế hoạch của Chuyên 2: Trong năm 2013, khối lượng nhập kho đạt 32,7 triệu đơn vị phân liều, đạt 84% kế hoạch được giao.
- Kết quả thực hiện kế hoạch của Nhà máy 2: Trong năm 2013, nhập kho cao khô, bột với tổng khối lượng 27,58 tấn, đạt 92% kế hoạch; Tổng số lượng viên đạt 131,5 triệu viên, đạt 76% kế hoạch.
- Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất của các nhà máy đạt thấp là do sự sụt giảm khối lượng các loại thuốc viên như: vitamin Bcomplex, Bvitab; thuốc nước như Naphazolin, PVP đối với nhà máy 1 và sự sụt giảm của các viên đông dược dạng vỉ đối với nhà máy 2.
- Các nhà máy đã kiểm soát tốt hơn công tác thực hành tiết kiệm, kiểm soát được các tiêu hao năng lượng, góp phần vào việc giảm giá vốn hàng bán.
- Có sự phối hợp tốt với hệ thống chất lượng trong việc hoàn thiện phần lớn hồ sơ lô sản xuất để có cơ sở xem xét lại toàn bộ quá trình sản xuất trước khi

xuất xưởng sản phẩm. Tuy nhiên trong những thời điểm sản xuất nhiều, nhu cầu cần gấp hàng của thị trường, nhà máy vẫn chưa đáp ứng được việc hoàn thiện hồ sơ lô sản xuất theo yêu cầu. Tuy nhiên:

- Sự cố không phù hợp vẫn còn nhiều, nhất là chất lượng và tính ổn định của sản phẩm, sự đồng bộ của bao bì, sự cố của thiết bị sản xuất.
- Tính chủ quan khi thực hiện công việc, không tuân thủ qui trình dẫn đến sai sót nhiều trong các khâu như: Đóng gói thiếu, bỏ qua công đoạn sản xuất, pha chế thiếu thành phần, ...
- Công tác vệ sinh và chống xuống cấp nhà xưởng chưa được coi trọng.

3. Công tác Kế hoạch sản xuất:

- Trong năm 2013, nhìn chung công tác cung ứng, điều độ và xây dựng kế hoạch sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu.
- Công tác dự báo, dự trữ chưa tốt, còn ngắn hạn, việc xây dựng kế hoạch sản xuất còn thụ động nên tình trạng đứt hàng còn diễn ra thường xuyên.
- Chưa mạnh dạn trong việc loại trừ các loại bao bì không đạt chất lượng.

- Việc phối hợp và thông tin lẫn nhau giữa các bộ phận chưa được tốt, nhất là giữa khối kinh doanh và kế hoạch sản xuất.

- Việc chờ cấp số đăng ký lại còn nhiều khó khăn, mất rất nhiều thời gian nên ảnh hưởng đến hoạt động điều độ sản xuất.

4. Về hoạt động bán hàng và Marketing:

- Kết quả chung chưa đáp ứng được kỳ vọng về mục tiêu đề ra, khối bao tiêu và khối xuất khẩu tuy có nhiều cố gắng trong thực hiện kế hoạch nhưng cần phải tăng trưởng hơn nữa.

- Cơ cấu doanh thu vẫn tập trung chủ yếu vào hai nhóm hàng thế mạnh của công ty và bán hàng trên kênh ETC, nhóm sản phẩm mới đạt tỷ lệ thấp so với kế hoạch chưa phản ánh được khả năng tiếp cận sản phẩm mới vào thị trường.

- Việc phát triển kênh OTC còn nhiều khó khăn do nhân sự còn mỏng và thiếu người chuyên trách, sẽ tiếp tục bổ sung nhân sự cho các địa bàn còn thiếu.

- Xây dựng các giải pháp để gia tăng doanh số và giữ vững thị trường của các nhóm hàng chủ lực. Tìm kiếm và mở rộng nhóm hàng bao tiêu cho các đối tác phân phối có uy tín.

- Công tác marketing vẫn chỉ tập trung vào nhóm hàng đã có thị trường tương đối tốt. Xây dựng các chương trình khuyến mãi chưa hấp dẫn và thiếu tính đồng bộ trong phối hợp.

5. Công tác xuất nhập khẩu:

- Kết quả hoạt động xuất khẩu có tăng trưởng so với kế hoạch, kim ngạch xuất khẩu năm 2013 đạt 2,6 triệu USD, đạt 136,2% kế hoạch năm.

- Công tác xúc tiến thương mại còn những hạn chế nhất định do các thủ tục đăng ký phức tạp tại các nước sở tại.

- Công tác nhập khẩu đảm bảo cung ứng đầy đủ và kịp thời cho sản xuất. Trong năm đảm bảo 100% chất lượng các lô hàng nhập. Kim ngạch nhập khẩu năm 2013 đạt 1,4 triệu USD.

- Tiếp tục tìm kiếm các nguồn để nhập các loại dược liệu chất lượng cao, các loại bao bì mà cơ sở trong nước không đáp ứng được chất lượng.

6. Công tác nghiên cứu và phát triển:

- Hoạt động nghiên cứu phát triển là một trong những hoạt động luôn được quan tâm và khuyến khích của lãnh đạo công ty.

- Trong năm 2013 đã tiến hành nghiên cứu 23 sản phẩm mới các loại và đã được cấp số đăng ký cho 15 sản phẩm. Hiện tại, 07 sản phẩm đã được triển khai trong năm 2013 và 08 sản phẩm đang chuẩn bị các nội dung để sản xuất trong năm 2014.

- Các đề tài, dự án đang được triển khai theo đúng kế hoạch và lộ trình như: Dự án thuốc phóng thích kéo dài, dự án KC10.

- Đã thực hiện cải tiến công thức cho 08 sản phẩm và 01 quy trình sản xuất để đảm bảo ổn định và hợp lý hóa sản xuất. Trong năm không có thay đổi, hiệu chỉnh lớn đối với các quy trình sản xuất, chỉ có 05 quy trình hiệu chỉnh nhỏ không đáp ứng kịp thời hoạt động của doanh nghiệp.

- Công tác đăng ký thuốc, theo dõi độ ổn định và tiêu chuẩn hóa triển khai chậm và không kịp thời.

- Việc nghiên cứu cho ra đời các sản phẩm mới, nhất

“ Tối ưu hóa lợi nhuận cho doanh nghiệp, tối đa hóa lợi ích cho cổ đông và nhà đầu tư song song với việc đóng góp cho cộng đồng, tạo ra động lực thúc đẩy sự phát triển và tiến bộ xã hội.”



là các sản phẩm làm đa dạng danh mục sản phẩm kênh OTC còn hạn chế.

- Đội ngũ R&D chưa thật sự hiểu biết về thị trường và năng lực còn rất hạn chế.

- Cập nhật thông tin thị trường và phối hợp thực hiện trong việc đưa sản phẩm mới vào thị trường chưa hiệu quả.

- Đã có sự phối hợp tốt với bộ phận kinh doanh nhưng cần đẩy mạnh hơn nữa sự trao đổi thông tin để các chương trình nghiên cứu và hoạt động triển khai sản phẩm mới một cách phù hợp và hiệu quả.

7. Công tác quản lý chất lượng:

- Năm 2013 ghi nhận sự nỗ lực của Hệ thống chất lượng trong việc triển khai các công tác: Kiểm tra định kỳ ISO 9001-2008; Thanh tra GMP-Ukraine lần thứ hai và Tái kiểm tra GMP đông dược của Cục Quản lý Dược VN.

- Duy trì tốt việc quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất một cách toàn diện, đảm bảo sản phẩm trước khi xuất xưởng được kiểm soát chặt chẽ thông qua việc giám sát quá trình sản xuất, kiểm soát số lượng sản phẩm nhập kho và hồ sơ kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm.

- Triển khai thực hiện và duy trì thường xuyên hoạt động kiểm tra chất lượng theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn của GMP-WHO. Theo dõi và điều chỉnh, cập nhật kịp thời các quy trình thao tác chuẩn (SOP) trong sản xuất.

- Tổng số lượt nhập nguyên liệu, dược liệu, bao bì năm 2013 đạt 2.637 lượt gần tương đương với năm 2012. Quyết định không nhập là 29 lượt, chủ yếu là bao bì và dược liệu không đạt của các cơ sở trong nước.

- Hoạt động kiểm tra trong quá trình sản xuất được duy trì thường xuyên tại các chuyền sản xuất, tuy nhiên tình trạng chủ quan, thiếu cẩn thận trong quá trình kiểm tra của một vài cá nhân vẫn còn nên dẫn đến một số sự cố trong quá trình sản xuất. Tuy nhiên, phần lớn các lỗi đã được phát hiện và ngăn chặn kịp thời, đảm bảo sản phẩm khi xuất xưởng luôn đạt yêu cầu.

- Đã hoàn thiện hồ sơ thẩm định mọi mặt trong toàn công ty theo kế hoạch thẩm định gốc đã được phê duyệt. Hệ thống thiết bị và phụ trợ được bảo dưỡng bảo trì theo kế hoạch, quản lý chặt chẽ các thiết bị áp lực.



- Đối với chất lượng sản phẩm: Trong năm có tổng số 76 phiếu sản phẩm không phù hợp, tăng so với năm 2012 (68 phiếu). Nguyên nhân chủ yếu là do quy trình sản xuất chưa ổn định, bất cẩn trong thực hiện công việc (Chuyển 1 và nhà máy 2) và chất lượng bao bì của nhà cung ứng (Chuyển 2).

- Trong năm không có sản phẩm nào phải thu hồi khi đã lưu hành trên thị trường. Thông tin phản hồi từ thị trường chủ yếu là do sản phẩm bị đóng gói thiếu.

- Tổng số sản phẩm bị trả về là 16 sản phẩm với 60 lượt trả. Nguyên nhân chủ yếu là do chất lượng sản phẩm chưa ổn định, do bao bì, quá trình đóng gói dễ bể vỡ và quá trình vận chuyển không đảm bảo. Các tồn tại vẫn còn như:

- Việc thiếu nhân lực trong điều kiện phải kiểm soát cả hai nhà máy, nhiệm vụ giám sát chưa được thực thi triệt để.

- Quy trình xử lý lọ nhựa chưa đảm bảo vô trùng. Khu vực pha chế thuốc dùng ngoài chưa theo nguyên tắc GMP. Diện tích nhà xưởng của chuyển 2 không đảm bảo trong khi lượng hàng hóa nhiều dễ gây nhầm lẫn.

- Một số quy trình sản xuất chưa thật sự ổn định, ý thức công nhân trong việc tuân thủ các SOP còn chưa cao.

- Việc kiểm soát dược liệu đầu vào còn nhiều bất cập, đóng gói nhiều quy cách, nhãn mác thiếu và chưa rõ ràng.

- Việc kiểm soát bao bì tại kho chưa chặt chẽ, chưa kịp thời kiểm soát số lượng hàng tồn kho, việc cấp phát bao bì vào sản xuất chưa thực hiện được theo lệnh sản xuất.

- Một số thiết bị sản xuất qua thời gian sử dụng đã hỏng hóc làm ảnh hưởng đến quá trình sản xuất và quản lý chất lượng như: Tủ hấp, máy cất nước, máy tạo khí nitơ, máy đo tính toàn vẹn của màng lọc.

8. Công tác đầu tư:

- Năm 2013 công tác đầu tư rất hạn chế, chỉ tập trung cho các hạng mục, máy móc thiết bị thật cần thiết. Đến nay công tác đầu tư vào Trung tâm R&D chưa hiệu quả.

- Đối với máy móc thiết bị: Đầu tư cho Trung tâm Nghiên cứu phát triển các thiết bị gồm: Máy trộn cao tốc tạo hạt, máy trộn lập phương và máy dập viên xoay tròn 7 chày. Đầu tư 01 máy ép vỉ tự động cho nhà máy 2 và tủ hấp tiệt trùng cho nhà máy 1.

- Đối với xây dựng cơ bản: Chỉ đầu tư 01 hạng mục là Kho dược liệu đạt chuẩn GSP cho nhà máy 2.

- Năm 2014 sẽ tiếp tục đầu tư các máy móc thiết bị đã hỏng hóc, xuống cấp để đảm bảo chất lượng sản phẩm.

9. Công tác tài chính, kế toán:

- Các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm chế lạm phát đã có những ảnh hưởng tích cực đến hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

- Hoạt động tín dụng được nới lỏng, lãi suất giảm và ổn định làm giảm chi phí tài chính, tăng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Giá vốn hàng bán từng bước được kiểm soát và có xu hướng giảm do kiểm soát được chi phí năng lượng và tiêu hao khác.

- Các chính sách liên quan đến hoạt động bán hàng tiếp tục được quan tâm điều chỉnh cho hợp lý. Cần thúc đẩy công tác thu hồi công nợ.



- Đẩy mạnh theo dõi công tác quản lý chi phí, thực hiện tiết kiệm để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Công tác kế toán đáp ứng được hoạt động của doanh nghiệp.

10. Công tác quản trị nhân sự và đào tạo:

- Thực hiện đánh giá tổng thể chất lượng nguồn nhân lực để tiếp tục xây dựng các giải pháp cấu trúc nguồn nhân lực, xây dựng nguồn nhân lực hiệu quả dựa trên điều kiện thực tế tại miền Trung.

- Trong năm đã tổ chức các chương trình đào tạo đạt 100% kế hoạch đề ra. Số lượng các chuyên đề tăng so với các năm trước. Tăng cường công tác đào tạo cho đội ngũ bán hàng và công nhân sản xuất trong điều kiện năng lực bán hàng còn yếu và còn nhiều sai sót trong sản xuất.

- Xây dựng chiến lược đào tạo bài bản và dài hơi để phát triển nguồn nhân lực phù hợp với chiến lược

phát triển của doanh nghiệp. Chú trọng đào tạo cho đội ngũ quản lý cấp trung, tạo điều kiện cho cán bộ trẻ với đầy đủ năng lực và phẩm chất để làm đội ngũ kế thừa cho tương lai phát triển của công ty.

- Trong năm đã xây dựng và ban hành Quy trình đánh giá hiệu quả công việc theo phương pháp KPIs, góp phần vào việc đánh giá thành tích nhân viên hiệu quả và chính xác hơn.

- Tiếp tục triển khai kế hoạch hành động của các bộ phận nhằm lượng hóa các hoạt động.

- Tính đến 31/12/2013, tổng số CBCNV công ty là 350 người. Trong đó: Trình độ trên đại học là 11 người; Đại học là 136 người; Cao đẳng và trung cấp là 125 người; Sơ cấp, công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông là 78 người.

- Trong năm đã thực hiện được 8.889 giờ đào tạo. Tổng số lượt đào tạo trong năm là 421 lượt với 32 nội dung đào tạo. Công tác đào tạo có nhiều khởi sắc, cần phát huy.





III. Mục tiêu và các giải pháp năm 2014

1. Dự báo tình hình năm 2014:

Năm 2014 thị trường dược phẩm VN dự báo tiếp tục sẽ tăng trưởng. Các chính sách về sử dụng thuốc nội tại các cơ sở khám chữa bệnh tiếp tục được quan tâm.

Doanh số của thị trường dược phẩm Việt Nam năm 2012 là gần 3 tỷ USD - bằng một phần ba thị trường Ấn Độ và được dự đoán sẽ tăng trưởng với tỷ lệ hơn 20% vào năm 2017. Theo BMI, Việt Nam đứng thứ 13/175 về tốc độ tăng trưởng mức chi tiêu cho dược phẩm.

Với quy mô dân số lớn và một thị trường nhiều tiềm năng, ngành dược Việt Nam sẽ thu hút được nhiều quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài. Đây cũng là cơ hội nhưng cũng là thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp trong nước.

Là thành viên của WTO, ngành công nghiệp dược Việt Nam có thể sẽ phải trải qua một làn sóng hợp nhất khi các công ty sản xuất đang phải đối mặt với áp lực gia tăng và chi phí liên quan khác nhằm thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế GMP.

2. Mục tiêu kế hoạch năm 2014:

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2013 và tình hình thực tế của thị trường cũng như thực tế SXKD của doanh

nghiệp, Danapha tập trung phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ năm 2014 theo chỉ tiêu kế hoạch như sau:

- Giá trị sản xuất công nghiệp: 175 tỷ đồng
- Doanh thu: 350 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế (12%): 42 tỷ đồng

3. Các giải pháp, hành động cần tập trung cho năm 2014:

Năm 2014 sẽ là năm cần tạo đà trong việc tăng trưởng doanh thu cho các năm tiếp theo. Trên cơ sở đó, các giải pháp sẽ được tập trung vào các nhóm vấn đề chính sau:

1/ Nhóm giải pháp về kinh doanh và marketing:

1.1/ Đẩy mạnh hoạt động ở khối kinh doanh:

- Tập trung nguồn lực để phát triển kênh OTC nhằm tăng cơ cấu kinh doanh, để nghị doanh số nhóm này phải chiếm 35% trên doanh thu.
- Bám sát các quy định, các điều chỉnh để tập trung cho công tác đấu thầu một cách hiệu quả. Xây dựng phương án đấu thầu trực tiếp, có chọn lọc vào các bệnh viện và sở y tế.
- Khối kinh doanh cần đẩy mạnh doanh thu và có các cam kết rõ ràng về hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Tăng cường phối hợp hoạt động giữa các bộ phận và trách nhiệm cá nhân để đảm bảo nguồn thông tin phối hợp đầy đủ nhất, đặc biệt giữa Ban PTKD và TT R&D và phòng Marketing về thay đổi công thức, số đăng ký, sản phẩm mới,...

1.2/ Hoạt động marketing:

- Tập trung xây dựng các kế hoạch marketing cho các nhóm sản phẩm đồng dược nhằm đảm bảo kế hoạch 100 tỷ đồng cho 05 sản phẩm chủ lực và thương hiệu Danapha đồng dược.
- Chú trọng hiệu quả của hoạt động marketing trong việc xây dựng thương hiệu, tạo sự khác biệt đối với các dòng sản phẩm chủ lực, đề xuất các giải pháp để phát triển kênh bán hàng OTC.
- Phối hợp với các chi nhánh để xây dựng các chương trình khuyến mãi hợp lý và hiệu quả.

2/ Nhóm giải pháp về công tác nhân sự:

- Luân chuyển cán bộ chủ chốt, hoán đổi vị trí công tác tại một số bộ phận.
- Đánh giá năng lực cán bộ chủ chốt nhằm nâng cao hướng phát triển doanh nghiệp.
- Thực hiện kế hoạch hành động văn hóa doanh nghiệp Danapha. Ban hành Bộ quy tắc ứng xử Danapha nhằm tạo sự gắn kết trong hoạt động giữa các bộ phận.
- Tăng cường công tác đào tạo.

3/ Nhóm giải pháp về sản xuất và kế hoạch sản xuất:

- Thay đổi cách thức về xây dựng kế hoạch sản xuất để hạn chế thấp nhất tình trạng đứt hàng, nhất là các nhóm hàng mà các chi nhánh đã có cam kết sẽ tiêu thụ hết số lượng đặt hàng.
- Dự trữ nguyên vật liệu, bao bì hợp lý, loại bỏ các nhà cung ứng bao bì không đạt chất lượng và tìm kiếm các nguồn thay thế khác.
- Các nhà máy phối hợp với hệ thống chất lượng tăng cường kiểm tra theo dõi một cách nghiêm ngặt quá trình sản xuất để tránh các nhầm lẫn, sai sót.
- Có các giải pháp chống xuống cấp nhà xưởng.

4/ Nhóm giải pháp về nghiên cứu phát triển:

- Lập bộ phận cảnh giác Dược để có khuyến cáo từ ngay khi thiết lập công thức.
- Hoàn thiện và đưa nhóm sản phẩm thuốc phóng thích kéo dài, nhóm sản phẩm mới vào thị trường.
- Tập trung rà soát và ổn định các quy trình sản xuất, tâm huyết hơn đối với sản phẩm đồng dược để phát triển lâu dài.
- Tăng cường hoạt động nghiên cứu các sản phẩm trong

danh mục YHCT đã được bảo hiểm y tế thanh toán.

- Thu thập thông tin thị trường để có các định hướng nghiên cứu các sản phẩm mới tạo sự khác biệt của Danapha trên kênh OTC.

5/ Nhóm giải pháp về công tác chất lượng:

- Cải tạo nhà xưởng, đầu tư thiết bị để đảm bảo các khu vực sản xuất, các quy trình tuân thủ nguyên tắc GMP.
- Xây dựng các giải pháp để tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát trong quá trình sản xuất để hạn chế tối đa các sai sót, nhầm lẫn.
- Kiểm soát chặt chẽ dược liệu đầu vào, kiểm soát được tồn kho cũng như việc cấp phát bao bì.
- Công tác chất lượng lưu ý đến chất lượng thuốc đồng dược và bao bì sạch theo yêu cầu của Cục Quản lý Dược.
- Định hướng tư vấn và thực hiện Công ước về Thanh tra dược và Chương trình hợp tác thanh tra trong lĩnh vực thực hành tốt sản xuất thuốc PICs-GMP.

6/ Nhóm giải pháp về tài chính, kế toán:

- Theo dõi chặt chẽ và có biện pháp thúc đẩy việc thu hồi công nợ.
- Theo dõi việc thực hiện các chính sách tài chính liên quan đến hoạt động bán hàng và tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc các đề xuất, điều chỉnh phù hợp.
- Thường xuyên cập nhật số liệu vật tư tiêu hao, năng lượng,... và có các cảnh báo kịp thời khi có sự biến động lớn về số liệu.
- Công tác kế toán cần phát huy hơn nữa, cập nhật số liệu nhanh chóng, chính xác và có các báo cáo kịp thời khi có yêu cầu.

7/ Nhóm các giải pháp khác:

- Tiếp tục thực hành tiết kiệm chi phí ở tất cả các khâu mua sắm, đầu tư, chi phí văn phòng, năng lượng, chi phí quản lý,...
- Đưa giao diện mới của trang web Danapha vào hoạt động làm hoạt hóa công tác xúc tiến thương mại.



Ths. Ds. Nguyễn Quang Trị

Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy Chứng nhận Đăng kí

Kinh doanh số	3203001246	ngày 20 tháng 12 năm 2006
	0400102091	ngày 14 tháng 09 năm 2010
	0400102091	ngày 17 tháng 05 năm 2011
	0400102091	ngày 06 tháng 11 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng kí Kinh doanh và giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Quang Trị Ông Mai Đăng Đầu Bà Nguyễn Thị Vạn Thọ Ông Phạm Khắc Hà Bà Phạm Thị Thu Hà	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	---	--

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Quang Trị Ông Mai Đăng Đầu Bà Nguyễn Thị Vạn Thọ	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc, kiêm Kế toán trưởng
--------------------------	---	--

Trụ sở đăng ký 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG Việt Nam



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quang Trị

Tổng Giám đốc

Thành phố Đà Nẵng, ngày 9 tháng 4 năm 2013



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dược Danapha



KPMG Limited: 10th floor, Sun Wah Tower,
115 Nguyen Hue Street, District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam
Tel: +84 (8) 3821 9266 / Fax: +84 (8) 3821 9267
Web: www.kpmg.com.vn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Danapha ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài

chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Danapha tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 13-01-270



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

TP.HCM, ngày 24 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Anh Hưng

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2206-2013-007-1

Bảng cân đối kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		224.672.829.497	184.114.978.760
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	47.378.429.586	36.497.169.886
Tiền	111		47.378.429.586	25.697.404.642
Các khoản tương đương tiền	112		-	10.799.765.244
Các khoản phải thu	130	5	112.128.944.154	82.991.535.397
Phải thu khách hàng	131		110.205.334.274	79.128.379.427
Trả trước cho người bán	132		854.448.840	1.992.547.160
Các khoản phải thu khác	135		2.089.879.650	2.582.608.418
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.020.718.610)	(711.999.608)
Hàng tồn kho	140	6	64.330.093.404	62.913.399.578
Hàng tồn kho	141		65.565.998.841	64.198.775.364
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.235.905.437)	(1.285.375.786)
Tài sản ngắn hạn khác	150		835.362.353	1.712.873.899
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		831.928.244	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		3.434.109	1.712.873.899
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		125.747.446.857	134.081.131.197
Tài sản cố định	220		115.087.446.857	120.029.131.197
Tài sản cố định hữu hình	221	7	73.050.195.324	77.991.879.664
<i>Nguyên giá</i>	222		161.180.999.454	151.893.311.608
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(88.130.804.130)	(73.901.431.944)
Tài sản cố định vô hình	227	8	42.037.251.533	42.037.251.533
<i>Nguyên giá</i>	228		42.037.251.533	42.037.251.533
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	10.660.000.000	13.820.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		8.820.000.000	8.820.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		5.000.000.000	5.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3.160.000.000)	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Bảng cân đối kế toán

(Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản dài hạn khác	260		-	232.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	232.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		350.420.276.354	318.196.109.957
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		186.500.827.362	168.474.573.943
Nợ ngắn hạn	310		181.512.355.793	156.397.553.618
Vay ngắn hạn	311	10	70.790.918.375	67.410.710.402
Phải trả người bán	312		20.301.381.485	17.897.102.650
Người mua trả tiền trước	313		84.182.270	48.398.141
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	3.756.220.626	745.255.635
Phải trả người lao động	315		10.847.941.499	2.845.770.248
Chi phí phải trả	316	12	6.792.038.438	8.768.123.843
Các khoản phải trả khác	319	13	64.587.499.929	50.922.054.280
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	14	4.352.173.171	7.760.138.419
Nợ dài hạn	330	15	4.988.471.569	12.077.020.325
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		163.919.448.992	149.721.536.014
Vốn chủ sở hữu	410	16	163.320.948.992	149.721.536.014
Vốn cổ phần	411	17	62.000.000.000	62.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		58.100.000.000	58.100.000.000
Quỹ đầu tư và phát triển	417	18	37.502.394.868	25.414.027.776
Quỹ dự phòng tài chính	418	18	5.718.554.124	4.207.508.238
Nguồn kinh phí sự nghiệp và các quỹ khác	430		598.500.000	-
Nguồn kinh phí sự nghiệp	432		305.500.000	-
Nguồn kinh phí sự nghiệp đầu tư vào tài sản cố định	433		293.000.000	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		350.420.276.354	318.196.109.957

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Bảng cân đối kế toán

(Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013 USD	31/12/2012 USD
Ngoại tệ – USD	577.887	442.354

Người lập:



Trương Thị Diệu Huyền
Trưởng phòng kế toán
Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Người duyệt:





Nguyễn Thị Vạn Thọ
Phó Tổng Giám đốc
kiểm Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Trí
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

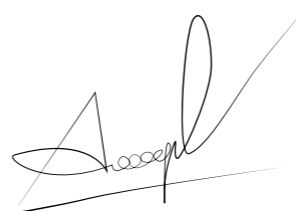
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	01	19	318.927.899.790	286.208.877.841
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	2.521.163.920	2.250.460.866
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	19	316.406.735.870	283.958.416.975
Giá vốn hàng bán	11	20	170.838.522.101	156.677.675.893
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		145.568.213.769	127.280.741.082
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.524.687.585	1.495.499.044
Chi phí tài chính	22	22	11.136.926.781	18.461.605.636
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		11.051.344.497	18.382.559.832
Chi phí bán hàng	24		62.815.635.279	51.227.649.094
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		32.662.997.697	28.505.104.185
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		40.477.341.597	30.581.881.211
Thu nhập khác	31		3.369.654	4.205.265
Chi phí khác	32		122.414	481.625.590
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.247.240	(477.420.325)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		40.480.588.837	30.104.460.886
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	10.259.671.107	3.680.560.211
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		30.220.917.730	26.423.900.675
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	4.874	4.262

Người lập:



Trương Thị Diệu Huyền
Trưởng phòng kế toán
Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Người duyệt:





Nguyễn Thị Vạn Thọ
Phó Tổng Giám đốc
kiểm Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	40.480.588.837	30.104.460.886
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	14.555.923.035	14.185.177.834
Các khoản dự phòng	03	3.419.248.653	1.141.254.951
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	35.304.788	(17.887.365)
Xóa sổ tài sản cố định	05	316.924.226	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	06	(1.250.484.880)	(1.439.375.311)
Chi phí lãi vay	07	11.051.344.497	18.382.559.832
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	68.608.849.156	62.356.190.827
Biến động các khoản phải thu	09	(28.749.318.636)	(3.591.583.647)
Biến động hàng tồn kho	10	(1.367.223.477)	(1.085.180.889)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	18.706.438.465	(3.905.466.242)
Biến động chi phí trả trước	12	232.000.000	293.812.273
		57.430.745.508	54.067.772.322
Lãi vay đã trả	13	(12.466.277.197)	(18.751.313.360)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(5.030.560.210)	(7.356.400.793)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	180.702.423	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.030.970.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	33.083.640.524	27.960.058.169
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(9.931.162.921)	(7.573.243.355)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	1.250.484.880	1.439.375.311
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(8.680.678.041)	(6.133.868.044)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm

(Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	109.111.712.340	88.524.048.043
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(112.820.053.123)	(87.449.589.570)
Tiền trả cổ tức	36	(9.813.362.000)	(10.541.315.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(13.521.702.783)	(9.466.856.527)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	10.881.259.700	12.359.333.598
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	36.497.169.886	24.167.472.208
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	-	(29.635.920)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	47.378.429.586	36.497.169.886

Người lập:

Người duyệt:

Trương Thị Diệu Huyền
Trưởng phòng kế toán
Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Thị Vạn Thọ
Phó Tổng Giám đốc
kiểm Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Trị
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với của báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Dược Danapha (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đầu tư số 3203001246 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006 từ cổ phần hóa Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 5. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm trong ngành dược.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 378 nhân viên (31/12/2012: 352 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định,

không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phân ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

(Tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa: 5 – 25 năm
- máy móc và thiết bị: 3 – 10 năm
- phương tiện vận chuyển: 3 – 6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(h) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(j) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

(Tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính

phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

(Tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

(l) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối mỗi năm dựa trên tỷ lệ phần trăm được các cổ đông quyết định vào đại hội cổ đông thường niên.

(m) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(n) Các khoản thanh toán thuế hoạt động

Các khoản thanh toán thuế hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho

các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác dụng suy giảm tiềm năng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, và chủ yếu trong một bộ phận địa lý cần báo cáo là Việt Nam.

(r) Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty là các doanh nghiệp và cá nhân trực tiếp, hoặc gián tiếp thông qua một hay nhiều trung gian, kiểm soát hoặc được kiểm soát bởi, hoặc dưới quyền kiểm soát, của Công ty, bao gồm các công ty được nắm giữ, công ty con và các công ty con của công ty con. Các công ty liên kết và cá nhân sở hữu, trực tiếp hoặc gián tiếp, liên quan đến quyền biểu quyết của Công ty và tác động đáng kể đến doanh nghiệp, nhân sự quản lý chủ chốt, bao gồm giám đốc và nhân viên của Công ty và các thành viên gia đình mật thiết của những cá nhân này cùng với công ty liên kết của họ cũng được xem là các bên liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 (VND)	31/12/2012 (VND)
Tiền mặt	991.273.239	1.119.794.776
Tiền gửi ngân hàng	46.387.156.347	24.577.609.866
Các khoản tương đương tiền	-	10.799.765.244
	47.378.429.586	36.497.169.886

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

(Tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Phải thu thương mại bao gồm:

	31/12/2013 (VND)	31/12/2012 (VND)
Phải thu từ các bên liên quan	1.338.648.207	-
Phải thu từ các bên thứ ba	108.866.686.067	79.128.379.427
	110.205.334.274	79.128.379.427

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Phải thu khác bao gồm:

	31/12/2013 (VND)	31/12/2012 (VND)
Ký quỹ ngắn hạn	317.738.500	138.297.500
Phải thu khác	1.772.141.150	2.444.310.918
	2.089.879.650	2.582.608.418

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013 (VND)	31/12/2012 (VND)
Nguyên vật liệu	42.541.971.162	35.159.036.864
Công cụ và dụng cụ	66.653.915	28.713.771
Sản phẩm dở dang	5.090.560.204	6.059.546.496
Thành phẩm	17.866.813.560	22.948.392.673
Hàng hóa	-	3.085.560
	65.565.998.841	64.198.775.364
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.235.905.437)	(1.285.375.786)
	64.330.093.404	62.913.399.578

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2013 (VND)	2012 (VND)
Số dư đầu năm	1.285.375.786	144.120.835
Tăng dự phòng trong năm	821.842.565	1.141.254.951
Sử dụng dự phòng trong năm	(871.312.914)	-
Số dư cuối năm	1.235.905.437	1.285.375.786

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

(Tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa (VND)	Máy móc và thiết bị (VND)	Phương tiện vận chuyển (VND)	Tổng (VND)
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	69.283.777.418	76.441.010.044	6.168.524.146	151.893.311.608
Tăng trong năm	3.488.343.416	6.442.819.505	-	9.931.162.921
Xóa sổ	(28.600.000)	(614.875.075)	-	(643.475.075)
Số dư cuối năm	72.743.520.834	82.268.954.474	6.168.524.146	161.180.999.454
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	25.244.454.382	45.097.194.976	3.559.782.586	73.901.431.944
Khấu hao trong năm	4.303.610.639	9.420.287.605	832.024.791	14.555.923.035
Xóa sổ	(24.786.674)	(301.764.175)	-	(326.550.849)
Số dư cuối năm	29.523.278.347	54.215.718.406	4.391.807.377	88.130.804.130
Giá trị còn lại				
Số dư cuối năm	43.220.242.487	28.053.236.068	1.776.716.769	73.050.195.324
Số dư đầu năm	44.039.323.036	31.343.815.068	2.608.741.560	77.991.879.664

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá là 28.880.269.772 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 25.650.129.286 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 45.918.249.828 VND (31/12/2012: 45.625.387.340 VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (VND)
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	42.037.251.533
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	42.037.251.533

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

(Tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tỷ lệ sở hữu	31/12/2013 (VND)	31/12/2012 (VND)
Đầu tư vốn dài hạn tại:			
Công ty liên kết			
- Công ty cổ phần dược Danapha - Nanosome	49%	8.820.000.000	8,820,000,000
Đầu tư vốn vào công ty khác			
- Công ty cổ phần Dược – TBYT Đà Nẵng	7%	5.000.000.000	5,000,000,000
		13.820.000.000	13,820,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.160.000.000)	-
		10.660.000.000	13.820.000.000

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Giấy chứng nhận đầu tư	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %
Công ty Cổ phần Dược Danapha - Nanosome	3203001246 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006	Sản xuất và kinh doanh các loại hóa, dược, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng. Nghiên cứu và phát triển khoa học ứng dụng cho dược phẩm	49%	49%

10. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2013 (VND)	31/12/2012 (VND)
Vay ngắn hạn (*)	61.945.314.937	59.654.317.881
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 15)	8.845.603.438	7.756.392.521
	70.790.918.375	67.410.710.402

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

(Tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

(*) Điều kiện và điều khoản của những khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	7% ~ 12 %	24.942.727.711	31.853.981.009
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	7% ~ 10%	37.002.587.226	20.800.336.872
Quỹ Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp	VND	12%	-	7.000.000.000
			61.945.314.937	59.654.317.881

Các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 là 12.862.437.312 VND (31/12/2012: 13.167.013.546 VND).

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013 (VND)	31/12/2012 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	-	388.185.748
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.519.671.107	-
Thuế thu nhập cá nhân	236.549.519	357.069.887
	3.756.220.626	745.255.635

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013 (VND)	31/12/2012 (VND)
Hoa hồng cho đại lý	5.095.040.214	5.411.464.783
Phí dịch vụ chuyên môn	505.271.864	750.000.000
Chi phí lãi vay	1.191.726.360	2.606.659.060
	6.792.038.438	8.768.123.843

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2013 (VND)	31/12/2012 (VND)
Kinh phí công đoàn	210.313.928	165.086.908
Tạm ứng từ một cổ đông cho hợp đồng hợp tác kinh doanh	50.000.000.000	38.000.000.000
Cổ tức phải trả	14.366.638.000	11.780.000.000
Phải trả khác	10.548.001	976.967.372
	64.587.499.929	50.922.054.280

Khoản tạm ứng từ một cổ đông cho hợp đồng hợp tác kinh doanh liên quan đến việc sản xuất dược phẩm. Khoản tạm ứng này chịu chi phí được xác định dựa trên kết quả hợp tác kinh doanh của năm.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

(Tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

14. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Quý này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quý được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2013 (VND)	2012 (VND)
Số dư đầu năm	7.760.138.419	1.395.166.689
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối	4.221.504.752	8.447.227.828
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	(7.629.470.000)	(2.082.256.098)
Số dư cuối năm	4.352.173.171	7.760.138.419

15. VAY DÀI HẠN

	31/12/2013 (VND)	31/12/2012 (VND)
Vay dài hạn	13.834.075.007	19.833.412.846
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 10)	(8.845.603.438)	(7.756.392.521)
Hoàn trả sau 12 tháng	4.988.471.569	12.077.020.325

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam					
Khoản vay 1	VND	13%	2015	214.068.750	336.393.750
Khoản vay 2	VND	13%	2014	5.578.124.987	12.746.206.241
Khoản vay 3	VND	13%	2014	3.000.361.270	6.750.812.855
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam					
Khoản vay 1	VND	11,6%	2018	3.000.000.000	-
Khoản vay 2	USD	5,5%	2018	2.041.520.000	-
				13.834.075.007	19.833.412.846

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 33.055.812.516 VND (31/12/2012: 32.458.373.794 VND).

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

(Tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

16. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng vốn sở hữu VND	Nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	62.000.000.000	58.100.000.000	20.091.073.084	3.142.917.300	190.872.783	143.524.863.167	-	143.524.863.167
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	26.423.900.675	26.423.900.675	-	26.423.900.675
Phân bổ vào các quỹ	-	-	5.322.954.692	1.064.590.938	(6.387.545.630)	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(8.447.227.828)	(8.447.227.828)	-	(8.447.227.828)
Cổ tức	-	-	-	-	(11.780.000.000)	(11.780.000.000)	-	(11.780.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	62.000.000.000	58.100.000.000	25.414.027.776	4.207.508.238	-	149.721.536.014	-	149.721.536.014
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	30.220.917.730	30.220.917.730	-	30.220.917.730
Phân bổ vào các quỹ	-	-	12.088.367.092	1.511.045.886	(13.599.412.978)	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(4.221.504.752)	(4.221.504.752)	-	(4.221.504.752)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	(12.400.000.000)	(12.400.000.000)	-	(12.400.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	(101.500.000)	(101.500.000)
Tặng quỹ	-	-	-	-	-	-	700.000.000	700.000.000
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2013	62.000.000.000	58.100.000.000	37.502.394.868	5.718.554.124	-	163.320.948.992	598.500.000	163.919.448.992

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

(Tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

17. CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã góp của Công ty là:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 2012

	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	6.200.000	62.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	6.200.000	62.000.000.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	6.200.000	62.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tại ngày báo cáo, các cổ đông của Công ty gồm:

	Số cổ phiếu	%
Tổng công ty Dược Việt Nam	2.916.125	47,03%
Các cổ đông khác	3.283.875	52,97%
	6.200.000	100%

18. CÁC QUỸ THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU

(i) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và được dùng để bù cho lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

(Tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

19. DOANH THU

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa ghi trên hóa đơn, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2013 (VND)	2012 (VND)
Tổng doanh thu		
- Bán hàng	318.927.899.790	286.208.877.841
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại	(2.521.163.920)	(2.198.698.070)
- Giảm giá hàng bán	-	(51.762.796)
Doanh thu thuần	316.406.735.870	283.958.416.975

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2013 (VND)	2012 (VND)
Thành phẩm đã bán	170.627.265.015	156.530.849.658
Hàng hoá đã bán	211.257.086	146.826.235
	170.838.522.101	156.677.675.893

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013 (VND)	2012 (VND)
Lãi tiền gửi	850.484.880	1.039.375.311
Thu nhập từ cổ tức	400.000.000	400.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	274.202.705	38.236.368
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	17.887.365
	1.524.687.585	1.495.499.044

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

(Tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013 (VND)	2012 (VND)
Chi phí lãi vay	11.051.344.497	18.382.559.832
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.277.496	79.045.804
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	35.304.788	-
	11.136.926.781	18.461.605.636

23. THUẾ THU NHẬP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2013 (VND)	2012 (VND)
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	10.259.671.107	8.435.199.177
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(4.754.638.966)
	10.259.671.107	3.680.560.211

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 (VND)	2012 (VND)
Lợi nhuận trước thuế	40.480.588.837	30.104.460.886
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	8.096.117.767	6.020.892.177
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.163.553.340	2.414.307.000
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(4.754.638.966)
	10.259.671.107	3.680.560.211

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 28% trên lợi nhuận tính thuế. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thuế thu nhập của Công ty giảm từ 28% xuống 20% trên thu nhập tính thuế.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

(Tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2013 (VND)	2012 (VND)
Lợi nhuận thuộc các cổ đông phổ thông của Công ty	30.220.917.730	26.423.900.675

(ii) Số cổ phiếu thường bình quân gia quyền đang lưu hành

	2013 Số cổ phiếu	2012 Số cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối năm	6.200.000	6.200.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng (31/12/2012: Không).

25. CỔ TỨC

Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã quyết định tạm chia cổ tức 12.400.000.000 VND, tương đương 2.000 VND trên một cổ phiếu (2012: 11.780.000.000 VND, tương đương 1.900 VND trên một cổ phiếu).

26. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

(Tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	46.387.156.347	35.377.375.110
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	111.274.495.314	80.998.988.237
		157.661.651.661	116.376.363.347

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày đến 90 ngày (tùy theo từng khách hàng) kể từ ngày xuất hóa đơn. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty và chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

(Tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

Dựa trên lịch sử về việc trả nợ, Công ty tin rằng, ngoài số dự phòng đã lập, không cần phải lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác như sau:

	Số dư gộp 31/12/2013	Dự phòng phải khu khó đòi 31/12/2013	Số dư gộp 31/12/2012	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Trong hạn	63.371.460.059	-	56.561.319.338	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	12.656.911.618	-	8.274.898.989	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	22.478.025.586	-	14.354.057.815	-
Quá hạn trên 180 ngày	13.788.816.661	(1.020.718.610)	2.520.711.703	(711.999.608)
	112.295.213.924	(1.020.718.610)	81.710.987.845	(711.999.608)

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2013 (VND)	2012 (VND)
Số dư đầu năm	711.999.608	711.999.608
Tăng dự phòng trong năm	308.719.002	-
Số dư cuối năm	1.020.718.610	711.999.608

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

(Tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

31/12/2013	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng	Trong vòng 1 năm	1 – 2 năm	2 – 5 năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	84.888.881.414	84.888.881.414	84.888.881.414	-	-
Chi phí phải trả	6.792.038.438	6.792.038.438	6.792.038.438	-	-
Vay ngắn hạn	61.945.314.937	63.885.756.791	63.885.756.791	-	-
Vay dài hạn	13.834.075.007	16.750.500.168	10.615.803.743	2.630.790.782	3.503.905.643
	167.460.309.796	172.317.176.811	166.182.480.386	2.630.790.782	3.503.905.643

31/12/2012	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng	Trong vòng 1 năm	1 – 2 năm	2 – 5 năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	68.819.156.930	68.819.156.930	68.819.156.930	-	-
Chi phí phải trả	8.768.123.843	8.768.123.843	8.768.123.843	-	-
Vay ngắn hạn	59.654.317.881	61.694.500.494	61.694.500.494	-	-
Vay dài hạn	19.833.412.844	22.909.194.983	13.818.077.838	8.993.562.957	97.554.188
	157.075.011.498	162.190.976.250	153.099.859.105	8.993.562.957	97.554.188

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

(Tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Tại ngày báo cáo, Công ty có các khoản tài sản/(nợ) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	577.887	-	442.354	-
Phải thu khách hàng	1.934.695	-	905.854	-
Phải trả người bán	(41.900)	(85.890)	(88.742)	(27.800)
Vay dài hạn	96.640	-	-	-
	2.567.322	(85.890)	1.259.466	(27.800)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
1 USD	21.075	20.815
1 EUR	29.276	27.755

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty, sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần (VND)
31/12/2013	
USD (mạnh thêm 1%) – làm tăng lợi nhuận thuần	432.850.489
EUR (mạnh thêm 5%) – làm giảm lợi nhuận thuần	(100.580.625)
31/12/2012	
USD (mạnh thêm 10%) – làm tăng lợi nhuận thuần	2.097.263.033
EUR (mạnh thêm 10%) – làm giảm lợi nhuận thuần	(61.727.120)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

(Tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.387.156.347	35.377.375.110
Vay ngắn hạn	(70.790.918.375)	(70.914.504.153)
Vay dài hạn	(4.988.471.569)	(8.573.226.574)
	(29.392.233.597)	(44.110.355.617)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 235.137.869 VND lợi nhuận thuần của Công ty (2012: 352.882.845 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý với giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Công ty, cùng với giá trị ghi sổ được thể hiện trong bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	47.378.429.586	47.378.429.586	36.497.169.886	36.497.169.886
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	111.274.495.314	(*)	80.998.988.237	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	10.660.000.000	(*)	13.820.000.000	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(84.888.881.414)	(*)	(68.819.156.930)	(*)
- Chi phí phải trả	(6.792.038.438)	(*)	(8.768.123.843)	(*)
- Các khoản vay	(75.779.389.944)	(*)	(79.487.730.727)	(*)
	1.852.615.104	(25.758.853.377)		

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

(Tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương với tiền xấp xỉ bằng với giá trị ghi sổ được trình bày trong bảng cân đối kế toán do tính ngắn hạn của thời gian đáo hạn của các công cụ tài chính này.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

27. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài số dư với các bên liên quan trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2013	2012
	VND	VND
Tổng công ty Dược Việt Nam		
Cổ tức phải trả	5.832.250.000	5.540.637.500
Tạm ứng cho hợp đồng hợp tác kinh doanh nhận được	-	50.000.000.000
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh phải trả	3.917.643.457	5.659.027.775
Thành viên của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Lương và thù lao	2.217.405.383	1.797.115.412

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày báo cáo, Công ty có các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2013 (VND)	31/12/2012 (VND)
Trong vòng một năm	1.771.064.812	781.221.171
Từ hai đến năm năm	3.443.872.241	431.506.849
Sau năm năm	4.603.142.557	3.240.000.000
	9.818.079.610	4.452.728.020

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm

(Tiếp theo)

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013 (VND)	2012 (VND)
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	192.913.388.940	198.852.651.998
Chi phí nhân công và nhân viên	46.101.485.347	39.284.054.747
Chi phí khấu hao và phân bổ	14.555.923.035	14.185.177.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.298.064.274	20.506.071.990
Chi phí khác	39.161.335.941	31.440.792.056

Người lập:

Trương Thị Diệu Huyền
Trưởng phòng kế toán
Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Người duyệt:

Nguyễn Thị Vạn Thọ
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Trị
Tổng Giám đốc



“Chặng đường phía trước vẫn còn nhiều khó khăn nhưng bằng sự đồng thuận của cả tập thể, một tinh thần lao động bằng cả con tim và trí óc, nhất định chúng ta sẽ chinh phục được những đỉnh cao mới trong tương lai.”





Danapha
PHARMACEUTICAL JSC

Công ty Cổ Phần Dược Danapha

www.danapha.com

Văn phòng - Nhà máy 1: 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, TP. Đà Nẵng, Việt Nam | T: (84. 511) 375 7676 / 375 7679 | F: (84. 511) 376 0127 | E: info@danapha.com

Nhà máy 2: Đường số 7 - KCN Hòa Khánh, TP. Đà Nẵng, Việt Nam - T: (84. 511) 373 4678 - F: (84. 511) 376 0127

Chi nhánh tại Hà Nội: Số 9, Ngõ 87 Nguyễn Văn Trỗi, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - T: (84. 4) 3664 7357 - F: (84. 4) 3664 9628

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh: 334 Tô Hiến Thành, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh - T: (84. 8) 3970 8129 - F: (84. 8) 3970 8127

Chi nhánh tại Thanh Hóa: Lô 28 Bà Triệu, P. Đông Thọ, TP. Thanh Hóa - T: (84. 37) 371 9917 - F: (84. 37) 385 6420

Chi nhánh tại Khánh Hòa: 7/1 Lê Hồng Phong, Nha Trang, Khánh Hòa - T: (84. 58) 387 0077 - F: (84. 58) 387 0097